TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2024/DS-ST
Ngày 24-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý

2. Bà Bùi Diệu Huệ

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 622/2023/TLST - DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ trụ sở: đường NKKN, phường VTS, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: ông Phạm Trường T, sinh năm 1994 (Giấy ủy quyền số 2115/2023/UQ-TGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023). Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông Tống Phước N, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: đường BTT, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Trường T trình bày:

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 ông Tống Phước N ký kết với Ngân hàng S (sau đây gọi là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05 tháng 3 năm 2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2.37%/tháng.

Sau khi được cấp tín dụng, ông Tống Phước N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 330.591.700 đồng. Từ ngày kích hoạt đến nay, ông Tống Phước N đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 316.600.000 đồng, sau đó không thanh toán tiếp. Ngày 23 tháng 7 năm 2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.258.015 đồng thành nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Tân buộc ông Tống Phước N phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 31 tháng 01 năm 2024 là 43.553.823 đồng. Trong đó, nợ gốc là 17.258.015 đồng; nợ lãi quá hạn là 26.295.808 đồng và thanh toán lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S có đơn xin vắng mặt, ông Thịnh có gửi Tòa án bản tự khai và bảng tính lãi, yêu cầu ông Tống Phước N trả số tiền tạm tính đến ngày xét xử tổng cộng là 45.881.247 đồng. Trong đó, nợ gốc là 17.258.015 đồng, lãi quá hạn là 28.623.232 đồng; tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Thẩm quyền giải quyết: bị đơn cư trú tại đường BTT, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: ông Tống Phước N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Tống Phước N vẫn vắng mặt không lý do chính đáng; ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Ngân hàng S buộc ông Tống Phước N trả số tiền tổng cộng là 45.881.247 đồng. Trong đó, nợ gốc là 17.258.015 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.623.232 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về chủ thể, Ngân hàng có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, ông Tống Phước N có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản, tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[3.2] Về yêu cầu trả nợ gốc: căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 05/3/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; bảng sao kê giao dịch thẻ tín dụng mà Ngân hàng đã cung cấp có cơ sở xác định ông N có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và được Ngân hàng cấp thẻ với hạn mức là 15.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 330.591.700 đồng (thẻ số 472074-2198). Quá trình sử dụng thẻ, ông N đã thanh toán được số tiền tổng cộng là 316.600.000 đồng, số tiền còn lại ông N không thanh toán tiếp. Như vậy, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại mục 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây gọi là bản điều khoản) *"... thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán đầu đủ cho đơn vị phát hành thẻ ……."*. Khi ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì đến ngày 23 tháng 7 năm 2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn được thỏa thuận tại mục 23 của

bản điều khoản với tổng số tiền là 17.258.015 đồng (gồm số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ). Việc bị đơn không thanh toán số tiền trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng. Do đó căn cứ Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 17.258.015 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu trả nợ lãi: do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc nên nguyên đơn đã áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% (lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) được hai bên thỏa thuận tại mục 23 của bản điều khoản, phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, lãi suất quá hạn là 3.549% (2.366% *150%) được tính trên số tiền nợ gốc 17.258.015 đồng. Nguyên đơn đã cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trong hạn và lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời hạn vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 28.623.232 đồng. Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền lãi 28.623.232 đồng là có cơ sở.

[4]. Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên ông Tống Phước N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền nợ phải thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc ông Tống Phước N trả cho Ngân hàng S số tiền tạm tính đến ngày 24 tháng 5 năm 2024 tổng cộng là 45.881.247 đồng. Trong đó, nợ gốc là 17.258.015 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.623.232 đồng phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05 tháng 3 năm 2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05 tháng 3 năm 2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Tống Phước N phải chịu 2.294.062 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi tư nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng S số tiền là 984.214 đồng (chín trăm tám mươi tư nghìn hai trăm mười bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 26867 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008.

Nơi nhận:
- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Gấm